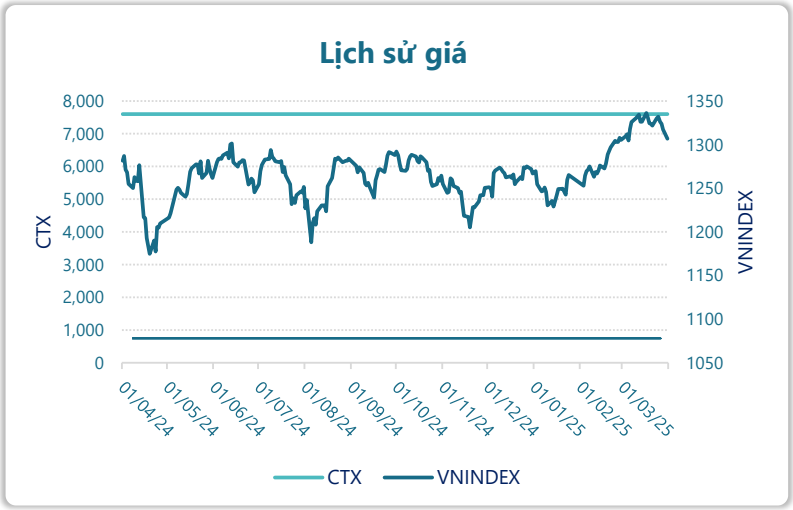
FireAnt

Tổng CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (UPCOM: CTX)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
SL cổ phiếu LH	78,907,276
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	600
P/E	54.6
EPS	139

DT thuần

Q1/25

41.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.3| -22.9%

YoY: ▲ 8.20| 24.5%

LN sau thuế

Q1/25

1.83

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.83| -76.1%

YoY: ▼0.44| -19.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.9%

+/- YoY: ▼ 4.6%

DT thuần

2024

161

tỷ VNĐ

YoY: ▼176| -52.3%

LN sau thuế

2024

11.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼24.4| -68.4%

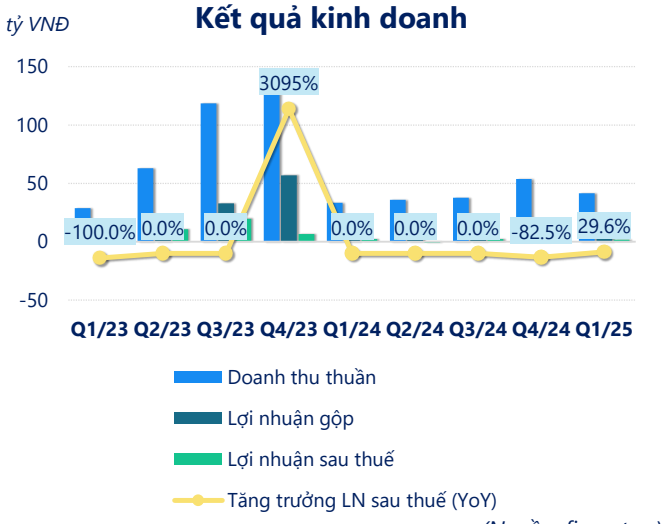
ROE

2024

1.1%

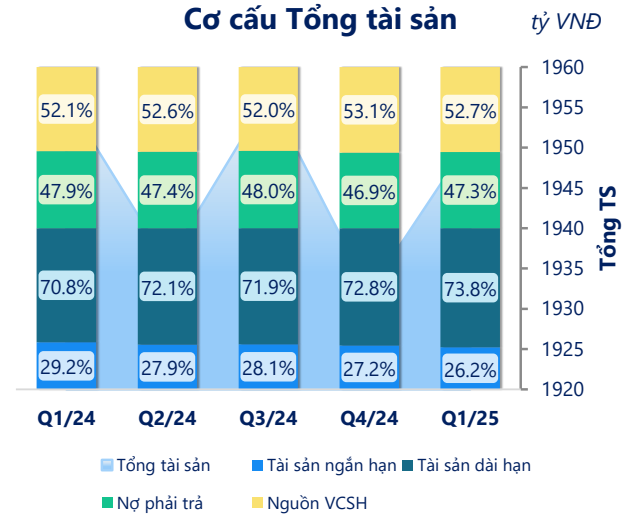
+/- YoY: ▼ 2.5%

Kết quả kinh doanh



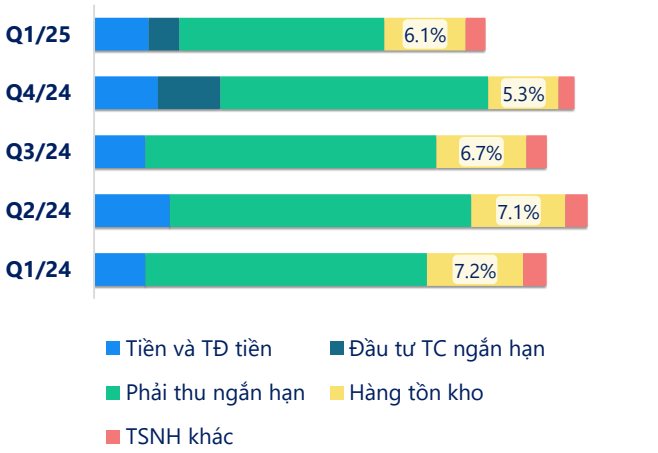
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



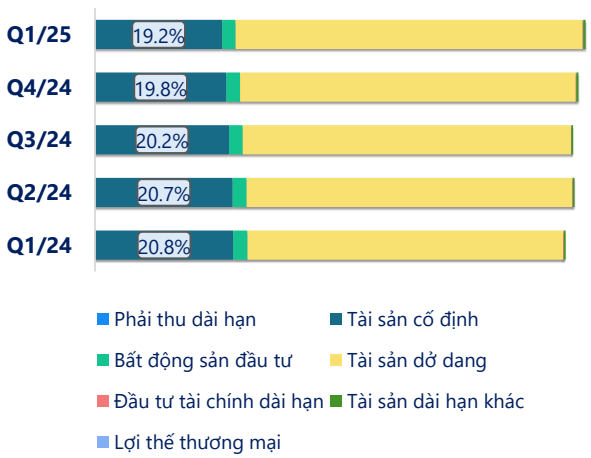
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



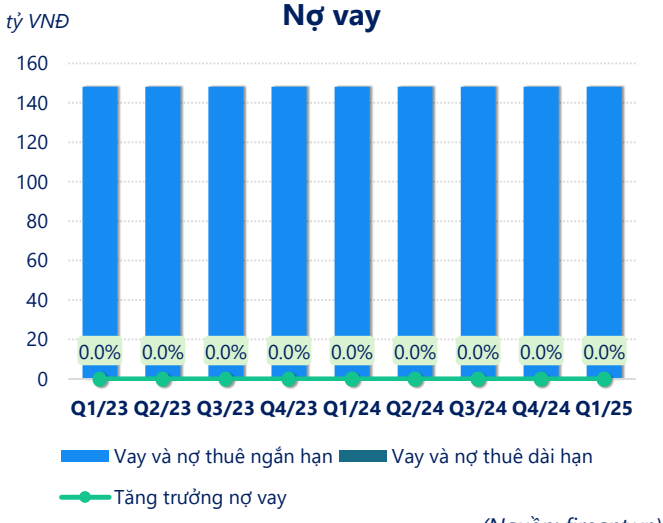
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



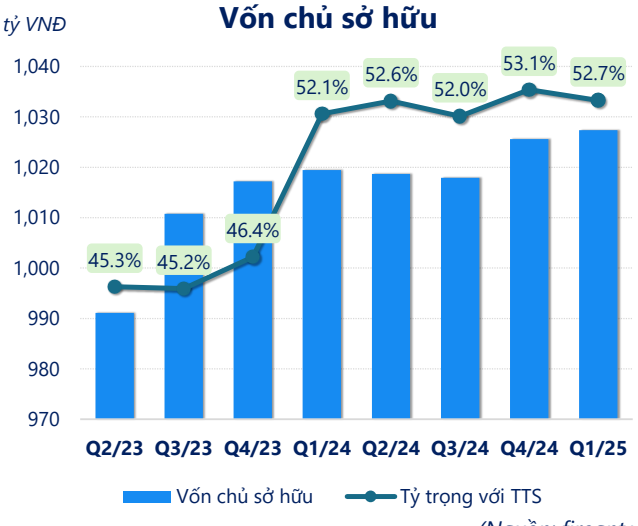
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



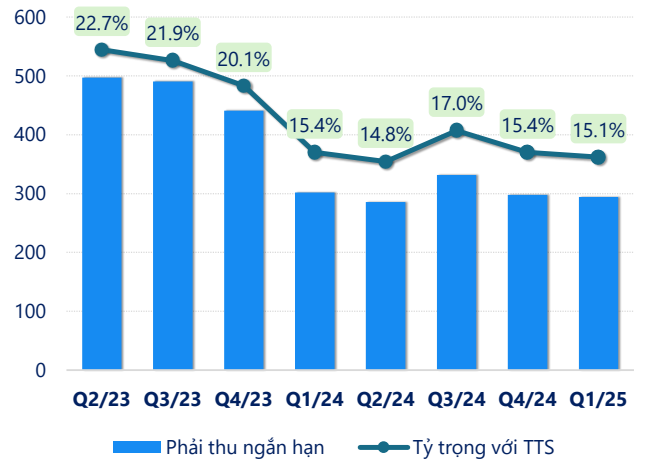
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



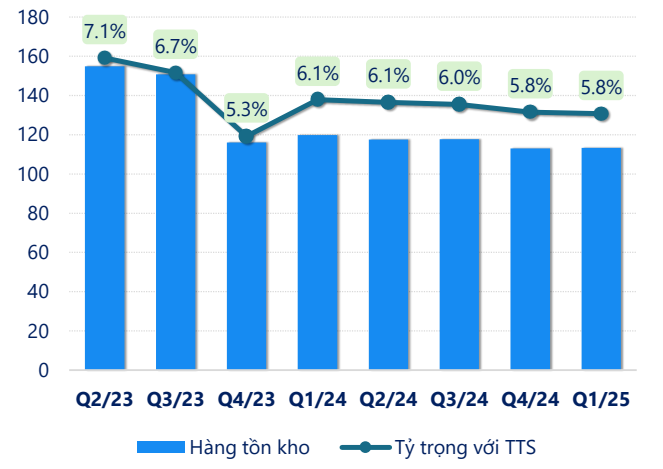
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



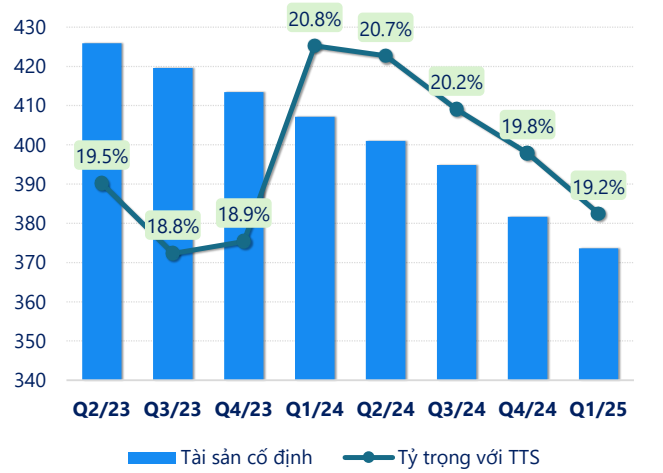
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



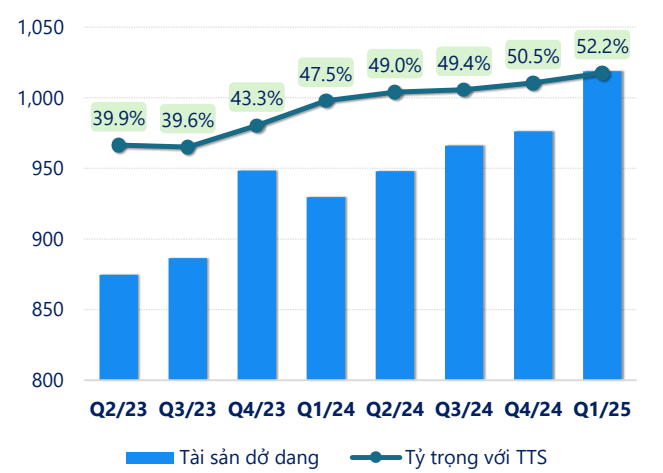
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



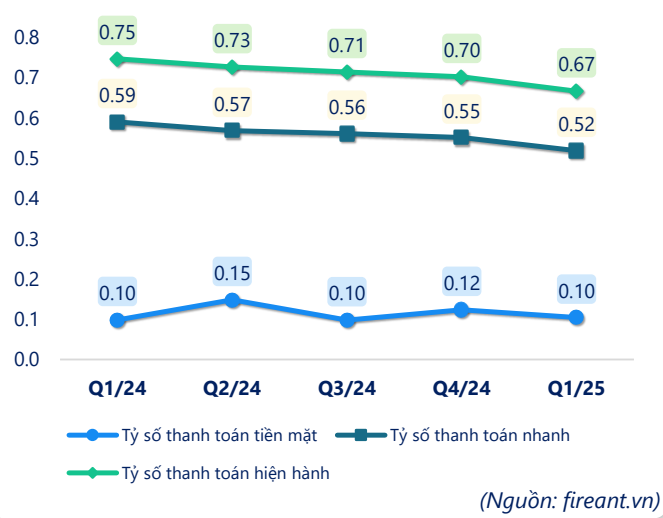
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



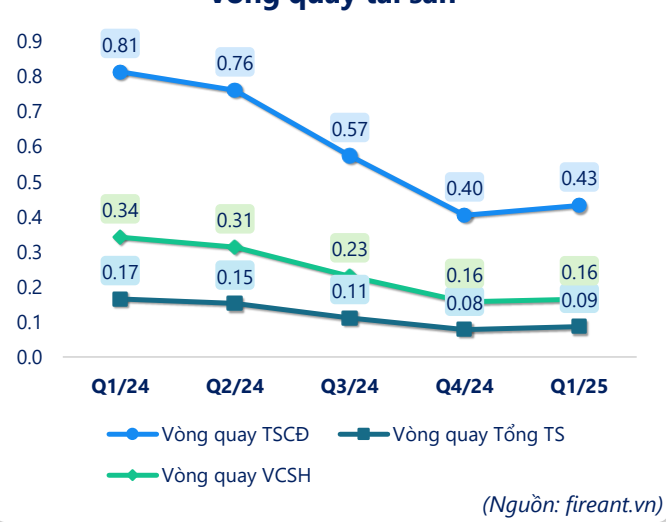
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,956**	**1,936**	**1,956**	**1,932**	**1,951**
Tài sản ngắn hạn	**571**	**539**	**549**	**526**	**511**
Tiền và tương đương tiền	75.4	110	75.2	92.7	80.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.2	0.20	0.11	0.13	0.13
Phải thu ngắn hạn	302	286	332	298	294
Hàng tồn kho	120	117	118	113	113
Tài sản ngắn hạn khác	29.0	25.7	24.0	22.9	23.4
Tài sản dài hạn	**1,385**	**1,396**	**1,408**	**1,406**	**1,440**
Phải thu dài hạn	0.00	0.01	0.00	0.00	0.00
Tài sản cố định	407	401	395	382	374
Bất động sản đầu tư	41.5	40.9	40.3	39.8	39.2
Tài sản dở dang	930	948	966	976	1,019
Đầu tư tài chính dài hạn	1.64	1.64	1.14	1.32	1.32
Tài sản dài hạn khác	5.04	4.76	5.05	6.72	6.80
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**937**	**917**	**939**	**907**	**924**
Nợ ngắn hạn	**765**	**742**	**768**	**750**	**767**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	148	148	148	148
Phải trả người bán ngắn hạn	158	189	190	174	183
Nợ dài hạn	172	175	170	157	157
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,019**	**1,019**	**1,018**	**1,026**	**1,027**
Vốn chủ sở hữu	**1,019**	**1,019**	**1,018**	**1,026**	**1,027**
Vốn điều lệ	789	789	789	789	789
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)